

Ngày thi: 13/01/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
1	152212637	NGÔ DUY	BÌNH	K15XDD1	10				8				9	9.0	Chín		
2	152212638	TRẦN HUỖNH	ĐÚNG	K15XDD1	10				9				8	8.7	Tám phẩy Bảy		
3	152212707	TRẦN ĐỨC	HẢI	K15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tám phẩy Một		
4	152212615	PHAN PHỤNG	HOÀN	K15XDD1	10				8				8.5	8.7	Tám phẩy Bảy		
5	142211229	PHẠM TRỌNG	KHOA	K15XDD1	10				9				9	9.2	Chín phẩy Hai		
6	152215958	TRẦN ĐÌNH BẢO	MINH	K15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tám phẩy Một		
7	152212736	HỒ XUÂN	PHÁP	K15XDD1	10				8				8	8.4	Tám phẩy Bốn		
8	152222019	ĐÌNH VĂN	TÀNG	K15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tám phẩy Một		
9	152212730	NGUYỄN VĂN	TIỀN	K15XDD1	10				9				9.5	9.5	Chín phẩy Năm		
10	152212705	TRẦN VĂN	TÙNG	K15XDD1	10				8				8	8.4	Tám phẩy Bốn		
11	152212658	LÊ ĐÌNH	CHINH	K15XDD1	10				8.5				7.5	8.3	Tám phẩy Ba		
12	152212750	VÕ NGỌC	ĐUỜNG	K15XDD1	10				7.5				7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
13	152215524	TRẦN LONG	GIANG	K15XDD1	10				8				7.5	8.1	Tám phẩy Một		
14	152212653	PHẠM VIỆT	QUỐC	K15XDD1	9				8				6	7.1	Bảy phẩy Một		
15	152212651	LÊ KỲ	TRUNG	K15XDD1	10				7.5				6.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
16	152212655	HỒ HOÀNG	VŨ	K15XDD1	10				8.5				6	7.4	Bảy phẩy Bốn		
17	152212688	NGUYỄN CÔNG	ĐOÀN	K15XDD2	10				8.5				6.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
18	152212722	PHẠM THANH	HẢI	K15XDD2	10				8				7	7.9	Bảy phẩy Chín		
19	152212720	LÊ VĂN TẤN	HÙNG	K15XDD2	9				8				7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
20	152212687	HỒ ĐẠI	NHÂN	K15XDD2	10				8.5				6.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
21	152313941	LÊ XUÂN	SANG	K15XDD2	10				8.5				7	8.0	Tám		
22	152212696	TRỊNH NGỌC	THẮNG	K15XDD2	10				8.5				7	8.0	Tám		
23	152212680	HỒ CHÍ	BẢNG	K15XDD1	10				8.5				7.5	8.3	Tám phẩy Ba		
24	152212665	VÕ ĐÌNH	HOÀNG	K15XDD1	9				7.5				7	7.5	Bảy phẩy Năm		
25	152212678	HOÀNG ANH	HÙNG	K15XDD1	10				9.5				8	8.8	Tám phẩy Tám		
26	152216071	NGUYỄN XUÂN	LƯƠNG	K15XDD1	10				8.5				8	8.5	Tám phẩy Năm		
27	152212714	NGUYỄN MINH	NGHI	K15XDD1	10				9				7.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
28	152212734	HỒ HẢI	QUYỀN	K15XDD1	10				8.5				7	8.0	Tám		
29	152212643	PHAN TUẤN	ANH	K15XDD2	10				8.5				7.5	8.3	Tám phẩy Ba		
30	152222789	NGÔ ĐỨC	HIẾU	K15XDD2	10				8				7.5	8.1	Tám phẩy Một		
31	152215827	LÊ TIỀN	LONG	K15XDD2	10				9				8.5	8.9	Tám phẩy Chín		
32	152212634	NGUYỄN VĂN	TRUNG	K15XDD2	10				8.5				8	8.5	Tám phẩy Năm		
33	152212710	TRẦN CHÍ	CÔNG	K15XDD1	9				8				7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
34	152212642	TRẦN VĂN	LỢI	K15XDD1	9				8				6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
35	152212669	ĐẶNG MINH	CHUÂN	K15XDD2	9				8.5				8	8.3	Tám phẩy Ba		
36	152212694	LẠI VĂN	ĐỨC	K15XDD2	9				8.5				7.5	8.1	Tám phẩy Một		
37	152215529	TÔN LONG	LINH	K15XDD2	9				8				6	7.1	Bảy phẩy Một		
38	142522783	PHAN ĐÌNH	LUYẾN	K15XDD2	9				8.5				6.9	7.7	Bảy phẩy Bảy		
39	152212715	VÕ TRUNG	MỸ	K15XDD2	9				8.5				6.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
40	152212663	NGUYỄN MINH	THIỆN	K15XDD2	9				8				8	8.2	Tám phẩy Hai		
41	152212732	ĐÀO TIỀN	THƯỜNG	K15XDD2	8				0				V	0.0	Không		
42	152212744	NGUYỄN ANH	TUẤN	K15XDD2	8				8				6	6.9	Sáu phẩy Chín		
43	152212708	NGUYỄN DUY	TƯỜNG	K15XDD2	8				8.5				6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
44	152212719	TRẦN	VĂN	K15XDD3	8				8.5				8	8.1	Tám phẩy Một		

Ngày thi: 13/01/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20				25				55	100			
45	152212627	NGUYỄN ĐẮC DUY	K15XDD2	10				8				7	7.9	Bảy phẩy Chín		
46	152212620	NGUYỄN VĂN HÒA	K15XDD2	10				8				7	7.9	Bảy phẩy Chín		
47	152212613	NGUYỄN LÊ ANH KIẾT	K15XDD2	9				7				6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
48	152212631	HUỖNH THANH QUỐC	K15XDD2	10				8				7	7.9	Bảy phẩy Chín		
49	152212660	NGUYỄN QUỐC VŨ	K15XDD2	10				8				7.5	8.1	Tám phẩy Một		
50	152212015	TRẦN HỒNG ANH	K15XDD3	10				8.5				7	8.0	Tám		
51	142211195	HUỖNH KHẮC DÂN	K15XDD3	9				7				6	6.9	Sáu phẩy Chín		
52	152212662	TRẦN VĂN ĐỨC	K15XDD3	9				7				5	6.3	Sáu phẩy Ba		
53	152212701	HOÀNG VĂN THÔNG	K15XDD3	10				7.5				6	7.2	Bảy phẩy Hai		
54	152173070	VÕ PHI TUẤN	K15XDD3	10				7.5				6.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
55	152215525	NGUYỄN CƯỜNG	K15XDD3	9				6				8.5	8.0	Tám		
56	152212751	LÊ KHẮC DUỖNG	K15XDD3	8				6.5				8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
57	152212721	NGUYỄN ĐÌNH HOÀN	K15XDD3	9				7				7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
58	152216199	TRẦN HỮU HÙNG	K15XDD3	9				7				7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
59	152212741	HUỖNH MINH LÂM	K15XDD3	9				6				7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
60	152215832	HOÀNG LÊ MINH	K15XDD3	8				7				7	7.2	Bảy phẩy Hai		
61	152212690	HỒ MINH PHƯƠNG	K15XDD3	7				6				7	6.8	Sáu phẩy Tám		
62	152212698	LÊ MINH TUẤN	K15XDD3	9				8.5				8.5	8.6	Tám phẩy Sáu		
63	152212746	NGUYỄN THANH TUẤN	K15XDD3	8				6				7	7.0	Bảy		
64	152212695	LÊ THIÊN VŨ	K15XDD3	9				6				7	7.2	Bảy phẩy Hai		
65	152212735	CHU QUYẾT THẮNG	K15XDD1	10				9				8	8.7	Tám phẩy Bảy		
66	152212689	NGUYỄN GIA TUẤN	K15XDD1	9				8.5				8	8.3	Tám phẩy Ba		
67	152212724	NGUYỄN VĂN VINH	K15XDD1	8.5				8.5				7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
68	152212704	NGUYỄN VĂN BÌNH	K15XDD2	10				9.5				8.5	9.1	Chín phẩy Một		
69	152212738	ĐÀO ĐỨC MÃNH	K15XDD2	10				10				8	8.9	Tám phẩy Chín		
70	152313999	PHẠM HỮU MẠNH	K15XDD3	8.5				8.5				7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
71	152212649	ĐOÀN HỒNG NAM	K15XDD3	8				8				7	7.5	Bảy phẩy Năm		
72	152216196	NGUYỄN THỊ THUỶ PHƯƠNG	K15XDD3	9				8.5				7.5	8.1	Tám phẩy Một		
73	152216454	VÕ ANH QUỐC	K15XDD3	8				8				7	7.5	Bảy phẩy Năm		
74	152212646	HOÀNG THẾ THẮNG	K15XDD3	10				9				9	9.2	Chín phẩy Hai		
75	152212740	ĐẶNG TUẤN ANH	K15XDD3	9				8.5				7.5	8.1	Tám phẩy Một		
76	152212686	LÊ DUY KHÁNH	K15XDD3	9				8.5				7	7.8	Bảy phẩy Tám		
77	152212691	NGUYỄN THANH LONG	K15XDD3	10				9				7.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
78	152212684	HOÀNG KIM DANH NHÂN	K15XDD3	9				7				6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
79	152212618	NGUYỄN BÁ SINH	K15XDD3	9				7				6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
80	152216157	NGUYỄN ĐÌNH TẤN	K15XDD3	9				8				6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
81	152212616	NGUYỄN TRUNG THI	K15XDD3	9				8				7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
82	152212623	LÊ ĐỨC TIẾN	K15XDD3	9				8				7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
83	152212652	TRẦN HỌC	K15XDD2	0				0				V	0.0	Không		
84	152212692	PHAN QUỐC HUY	K15XDD2	10				8				8	8.4	Tám phẩy Bốn		
85	152212640	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	K15XDD2	9				8				7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
86	152212636	PHẠM HỒNG THÁI	K15XDD2	9				8				6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
87	152212713	NGUYỄN KHÁNH CHUNG	K15XDD3	10				8				7	7.9	Bảy phẩy Chín		
88	152212644	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	K15XDD3	10				8				7	7.9	Bảy phẩy Chín		

Ngày thi: 13/01/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
89	142211205	NGUYỄN CÔNG DŨNG	K15XDD3	10				8				7.5	8.1	Tám phẩy Một			
90	132214516	PHẠM DƯƠNG PHI	K15XDD3	9				8				7	7.7	Bảy phẩy Bảy			
91	152212664	LƯƠNG TRUNG SƠN	K15XDD3	9				8				7	7.7	Bảy phẩy Bảy			
92	152212014	TRƯƠNG VĂN VỊNH	K15XDD3	9				8				7	7.7	Bảy phẩy Bảy			
93	152212645	LÊ XUÂN TÂN	K15XDD1	10				8				6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu			
94	152212706	HOÀNG ĐỨC ĐẠT	K15XDD2	10				8				7	7.9	Bảy phẩy Chín			
95	152212718	TRẦN NGỌC NAM	K15XDD2	10				8				6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu			
96	152212668	TRẦN VĂN THÀNH	K15XDD2	10				8.5				7	8.0	Tám			
97	152222784	HOÀNG QUỐC VIỆT	K15XDD2	10				8				7	7.9	Bảy phẩy Chín			
98	152215829	TRƯƠNG XUÂN VINH	K15XDD2	10				8				7	7.9	Bảy phẩy Chín			
99	152212679	LÊ PHAN THANH BÌNH	K15XDD3	10				8				7.5	8.1	Tám phẩy Một			
100	152212676	LÊ MINH HẢI	K15XDD3	10				8.5				8	8.5	Tám phẩy Năm			
101	152212675	TRƯƠNG THANH HUY	K15XDD3	10				8				5.5	7.0	Bảy			
102	152212682	HUỲNH VĂN THÀNH	K15XDD3	10				8				7.5	8.1	Tám phẩy Một			
103	152212657	PHẠM PHÚ CƯỜNG	K15XDD1	9				8.5				8	8.3	Tám phẩy Ba			
104	152212016	NGUYỄN DUY ĐÔ	K15XDD1	9				8.5				8	8.3	Tám phẩy Ba			
105	152212745	NGUYỄN HẢI	K15XDD1	9				8.5				7	7.8	Bảy phẩy Tám			
106	152212667	PHẠM NGỌC HIẾU	K15XDD1	9				8.5				7	7.8	Bảy phẩy Tám			
107	152212753	VÕ VĂN NGUYỄN	K15XDD1	9				8.5				7	7.8	Bảy phẩy Tám			
108	152212739	LÊ XUÂN PHƯƠNG	K15XDD1	9				8.5				7	7.8	Bảy phẩy Tám			
109	152222777	PHẠM TÂN VẠN	K15XDD1	9				8.5				7.5	8.1	Tám phẩy Một			
110	152212731	TRẦN THÀNH KHÂM	K15XDD2	9				8.5				7.5	8.1	Tám phẩy Một			
111	152215526	ĐẶNG THÁI SƠN	K15XDD2	9.5				8.8				7	8.0	Tám			
112	152212630	THÁI MINH HẢI	K15XDD3	9				8.5				7	7.8	Bảy phẩy Tám			
113	152212727	VÕ HUỲNH KHẢI	K15XDD1	10				9				8	8.7	Tám phẩy Bảy			
114	152212737	TRẦN TRUNG KIÊN	K15XDD1	10				8.5				7.5	8.3	Tám phẩy Ba			
115	152212013	LÊ VĨNH LINH	K15XDD1	10				9				8	8.7	Tám phẩy Bảy			
116	152212639	NGÔ MINH NHÂN	K15XDD1	9				8.5				7.5	8.1	Tám phẩy Một			
117	152212628	NGUYỄN PHẠM TÚ SINH	K15XDD1	9				8.5				6	7.2	Bảy phẩy Hai			
118	152212747	NGUYỄN VĂN THÔNG	K15XDD1	9				8.5				7	7.8	Bảy phẩy Tám			
119	152212743	TRẦN ĐÌNH BẢO	K15XDD2	9				8.5				6.5	7.5	Bảy phẩy Năm			
120	152212617	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	K15XDD3	9				8.5				6	7.2	Bảy phẩy Hai			
121	111140293	LÊ BẢO QUỐC	K14XDD2	9				8.5				5.5	7.0	Bảy	37315DT		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	119	98%	
2	Số sinh viên nợ	2	2%	
TỔNG CỘNG :		121	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân